

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 4040/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo cấp 02 tháng đầu học kỳ I năm học 2016 - 2017 cho học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/1/2009 quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải ô tô áp dụng để tính trợ cước vận chuyển hàng hóa các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào miền núi, Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc số lượng học sinh được hỗ trợ gạo và cấp ứng gạo học kỳ I năm học 2016 - 2017 cho học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4301/STC-NSHX ngày 11/10/2016 về việc phê duyệt kinh phí vận chuyển giao nhận gạo cho học sinh tỉnh Thanh Hóa 02 tháng học kỳ I năm học 2016 - 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo cấp 02 tháng đầu học kỳ I năm học 2016 - 2017 cho học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số lượng gạo vận chuyển: 532,965 tấn.
2. Đơn giá vận chuyển: Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Địa điểm giao, nhận gạo: Trung tâm xã hoặc cụm xã của các huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
4. Kinh phí hỗ trợ:

- Tổng số tiền (làm tròn): 154.502.000 đồng (Một trăm năm mươi tư triệu năm trăm linh hai nghìn đồng)

(Có dự toán chi tiết tại phụ lục kèm theo).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội (đảm bảo xã hội khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh cấp kinh phí cho Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa để thực hiện.

2. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh, quyết toán theo chế độ quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *uat*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lê Thị Thìn;
- Lưu: VT, KTTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ch
Lê Thị Thìn

Phụ lục

KINH PHÍ VẬN CHUYỂN GẠO CẤP 02 THÁNG ĐẦU HK I NĂM HỌC 2016 - 2017 CHO HỌC SINH TẠI CÁC TRƯỜNG Ở KHU VỰC CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Quyết định số: 404/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
	Tổng số tiền	154.501.849
	Làm tròn số	154.502.000
I	Chi phí vận chuyển gạo	127.365.649
1	Cước cơ bản:	109.244.839
	- Miền núi: (514,515 tấn x 40 km x 4,713 đ/tấn-km x 1,1)	106.709.588
	- Miền xuôi (18,450 tấn x 30km x 4,164 đ/tấn-km x 1,1)	2.535.251
2	Chi phí chờ đợi (34.000đ/xe/giờ x 532,965 tấn x 1 giờ)	18.120.810
III	Chi phí phục vụ giao nhận gạo; chi phí quản lý, chỉ đạo	27.136.200
	Tính theo số kg gạo thực tế cấp cho các huyện:	
	- 8 huyện miền xuôi (18,45 tấn x 35,000 đ/tấn)	645.750
	- 10 huyện miền núi (438,045 tấn x 50,000 đ/tấn)	21.902.250
	- Huyện Mường Lát (76,47 tấn x 60000 đ/tấn)	4.588.200

1/1/16